TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2022/DS-ST
Ngày: 31-3-2022
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Lộc

2. Ông Hồ Phi Công

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phan Đình N, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng V trình bày:*

Vào ngày 01/02/2018, bà V có cho vợ chồng bà Phạm Thị Tuyết M, ông Phạm Đình N vay số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng để làm công việc riêng trong gia đình. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng, lãi suất 1,66%/tháng, tương ứng với số tiền lãi mỗi tháng là 13.280.000 đồng. Khi ký hợp đồng

thì ông N(chồng bà M) đi vắng nên Hợp đồng vay tiền được bà và bà M ra Văn phòng công chứng Vũ Thụy Vy ký công chứng ngày 01/02/2018. Sau khi ký hợp đồng, bà đã giao đủ số tiền 800.000.000 đồng cho bà M. Trong thời hạn vay, bà M có trả lãi cho bà hàng tháng đúng thỏa thuận được 06 tháng. Tuy nhiên đến ngày 01/8/2018 là đến hạn phải trả số tiền gốc vay mượn là 800.000.000 đồng thì vợ chồng bà M không chịu trả.

Bà Nguyễn Hoàng V yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị Tuyết M, ông Phan Đình N phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà V xác định bà chỉ yêu cầu bà M, ông N cùng có trách nhiệm trả tiền vay 800.000.000 đồng cho bà và bà không yêu cầu trả lãi.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Tuyết M trình bày:*

Bà có vay của bà Nguyễn Hoàng V số tiền 800.000.000 đồng. Trong thời gian vay mượn thì bà trả lãi 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng một ngày trả tiền lãi là 12.000.000 đồng. Bà trả lãi được 1.200.000.000 đồng thì không trả nữa, khi bà trả lãi không có lập biên bản và cũng không có giấy tờ gì thể hiện đã trả. Khi không trả lãi được thì bà xin đóng hụi trả dần tiền gốc, đóng 01 tháng là 30.000.000 đồng, bà đóng được 07 tháng là 210.000.000 đồng thì không có khả năng đóng nữa. Số tiền 210.000.000 đồng tiền hụi này cũng không có giấy tờ gì, không có ký sổ thể hiện đã trả nợ.

Bà chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Hoàng V số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu). Số tiền trên là tiền riêng của bà không liên quan gì đến ông Phan Đình N. Đây là nợ riêng của bà không phải nợ chung của hai vợ chồng. Bà M mượn số tiền của bà V mục đích để buôn bán cho bản thân bà không có phục vụ cho gia đình.

Tại phiên tòa, bà M thay đổi ý kiến, bà thừa nhận số tiền gốc bà còn nợ của bà V là 800.000.000 đồng. Tuy nhiên bà vẫn giữ nguyên ý kiến đây là nợ riêng của cá nhân bà, không phải là nợ chung.

** Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Đình N trình bày:*

Bà Phạm Thị Tuyết M có vay của bà Nguyễn Hoàng V số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu), số tiền này là do bà M tự ý vay mượn làm ăn bên ngoài không thông qua ý kiến của ông Nnên ông hoàn toàn không biết gì. Số tiền đó bà Vcũng không hề mang về nuôi con cái, bởi vì 02 người con chung là do ông Ntự nuôi.

Nay bà Nguyễn Hoàng V yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết M và ông phải trả cho bà Vsố tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) thì ông không đồng ý bởi vì bà M vay mượn thì bà M tự chịu trách nhiệm trả cho bà Vân, không liên quan gì đến ông.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến nay đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Việc vay mượn giữa bà M và bà V được bà M thừa nhận, giữa 2 bên có ký hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Thụy Vy. Tại phiên tòa bà M đồng ý trả tiền vay cho bà Vsố tiền 800.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Vân.

Về lãi suất: Bà V chỉ yêu cầu lãi suất giai đoạn thi hành án. Yêu cầu này phù hợp quy định nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc chồng bà M là ông Phan Đình N cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ, xét thấy bà M vay tiền bà V là để kinh doanh mua bán la gim, thu nhập có được bà M gửi về nuôi con ăn học, như vậy phần thu nhập có được từ việc kinh doanh là để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên cần buộc ông Nphải liên đới trả nợ với bà M

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vân. Buộc bà M và ông Nphải liên đới trả cho bà Vsố tiền 800.000.000 đồng tiền gốc và phần lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Đình N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nlà phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Hoàng V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Tuyết M và ông Phan Đình N phải trả nợ vay, do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Người bị kiện là bà Phạm Thị Tuyết M hiện đang cư trú tại huyện X, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc được quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tư cách đương sự: Bà Nguyễn Hoàng V khởi kiện bà Phan Thị Tuyết M nên Tòa án xác định bà V là nguyên đơn, bà M là bị đơn; còn ông N là chồng của bà M nên ông N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng V và bị đơn bà Phạm Thị Tuyết M đều thừa nhận có ký Hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 01/02/2018 tại Văn phòng công chứng Vũ Thụy Vy. Theo hợp đồng thì thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày công chứng. Đến ngày 14/8/2020, bà V nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền nợ là 800.000.000 đồng, tại phiên tòa bà M thừa nhận còn nợ tiền bà V và đồng ý trả tiền cho bà V số tiền 800.000.000 đồng, do đó chấp nhận yêu cầu trả nợ vay của bà Nguyễn Hoàng V.

[6] Đối với tiền lãi: Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà V có ý kiến không yêu cầu bà M trả lãi, bà M cũng không yêu cầu gì đối với tiền lãi đã trả nên Tòa án không xem xét.

[7] Đối với việc xác định người có trách nhiệm trả nợ vay: Tại phiên tòa, bà V trình bày khoản tiền bà M ký hợp đồng vay là nợ chung của vợ chồng bà M và ông N vì mục đích bà M vay tiền là để đầu tư phát triển kinh tế cho gia đình. Mặc dù ông N có ý kiến cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà M. Bà M cũng cho rằng ông N chồng bà không có liên quan đến khoản nợ vay do hợp đồng công chứng chỉ có mỗi mình bà ký, bà vay tiền cũng chỉ dùng cho mục đích cá nhân, không dùng cho gia đình. Tuy nhiên cả ông N và bà M đều không có chứng cứ chứng minh rằng bà M đã sử dụng khoản vay này vào mục đích riêng, không liên quan đến phát triển kinh tế gia đình. Bên cạnh đó vào thời điểm vay tiền cho đến nay, bà M và ông N là vợ chồng hợp pháp nên cần xác định khoản nợ 800.000.000 đồng là khoản nợ chung của vợ chồng bà M và ông N, buộc bà M và ông N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền 800.000.000 đồng nợ vay là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Đối với ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận nên bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà M và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng, mỗi người phải nộp 18.000.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số: 10/2009/PL-UBTVQH 12, ngày 27/02/2009; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng V về việc yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết M và ông Phan Đình N trả tiền vay.

Buộc bà Phạm Thị Tuyết M và ông Phan Đình N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Hoàng V số tiền nợ vay là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Tuyết M phải chịu 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) án phí, ông Phan Đình N phải chịu 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) án phí.

Hoàn trả cho bà V số tiền 27.968.000đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004414 ngày 04/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà V, bà M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Phượng